

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN							BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ						
PHÒNG ĐKSX							NGÀY 21 THÁNG 8 NĂM 2026						
STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						427 264	97 034	330 230			
I		CẢNG CHÍNH						137 000	11 844	125 156			
		Tàu đã làm hàng (trong cầu)						4 500	4 453	47			
1		SX & TM THAN UỐNG BÍ	14/8	1989/8	21/8	BN 2196	CỤC XỔ 1C	1 100	1 084	16	20/8	TD	GIA HẠN L1
2		CP VINH THẮNG	19/8	2123/8	26/8	BN 0679	CỤC 5A.1	1 200	1 195	5	20/8	TD	
3		KDT MIỀN BẮC	19/8	2130/8	26/8	HP 5915	CẨM 1	2 200	2 174	26	20/8	TD	
		Tàu dự kiến rút trong ngày						37 150	7 391	29 759			
1		NHÔM ĐÁK NÔNG	19/8	2119/8		THANH BÌNH 68	CẨM 5A.1	2 900	1 502	1 398	RỐT DỖ	HỘ LỚN	
2		NHÔM LÂM ĐỒNG	19/8	2120/8	29/8	THANH BÌNH 68	CẨM 5A.1	4 200	2 764	1 436	RỐT DỖ	HỘ LỚN	
3		ĐIỆN VINH TÂN 1	17/8	522/8		VIỆT THUẬN 235-02	CẨM 6A.1	25 100		25 100		HỘ LỚN	TTCO: 25.100
4		KDT MIỀN BẮC	19/8	2117/8	29/8	HOÀNG ANH 268	CẨM 5A.1	3 750	2 728	1 022	RỐT DỖ	PTCB	
5		MẬT TRỎI VIỆT NINH BÌNH	15/8	2002/8	22/8	BN 8530	CỤC XỔ 1C	1 200	397	803	RỐT DỖ	TD	GIA HẠN L1
		Tàu đã làm lệnh (trong cầu)						95 350		95 350			
1		ĐIỆN VINH TÂN 1	13/7	455B/7		VIỆT THUẬN 26-01	CẨM 6A.1	25 600		25 600		HỘ LỚN	Thay TBRT số 455/7 TTCO: 25.600
2		ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ	28/7	484/7		VIỆT THUẬN 235-01	CẨM 5A.10	23 000		23 000		HỘ LỚN	TTCO: 23.000
3		ĐIỆN DUYÊN HẢI	20/8	525/8		VINACOMIN 30-01	CẨM 6A.14	26 600		26 600		HỘ LỚN	TTCO: 11.600 TTHG: 15.000
4		KDT MIỀN BẮC	20/8	2145/8	30/8	THANH BÌNH 18	CẨM 5A.1	2 200		2 200		PTCB	
5		THAN MIỀN TRUNG	12/8	2045/8	19/8	VIỆT TRUNG 68	CỤC XỔ 1C	1 300		1 300		TD	
6		ĐTTM & DỊCH VỤ	15/8	2070/8	22/8	BN 2665	CẨM 4A.1	2 200		2 200		TD	
7		THAN SÔNG HỒNG	16/8	2079/8	23/8	BN 1816	CẨM 4A.1	1 000		1 000		TD	
8		THAN SÔNG HỒNG	16/8	2080/8	23/8	BN 1856	CẨM 4A.1	1 050		1 050		TD	
9		VTA	17/8	2093/8	24/8	BN 2611	CẨM 8A	1 100		1 100		TD	
10		ĐTTM & DỊCH VỤ	18/8	2115/8	25/8	HN 2402	CẨM 4A.1	2 500		2 500		TD	
11		XD CN MỎ	19/8	2121/8	26/8	BN 8707	CỤC XỔ 1C	1 300		1 300		TD	
12		DVVT QUẢNG NINH	20/8	2142/8	27/8	BN 1798	CẨM 4B.1	1 300		1 300		TD	
13		THAN MIỀN TRUNG	20/8	2045/8	27/8	VIỆT TRUNG 68	CỤC XỔ 1C	1 300		1 300		TD	GIA HẠN L1
14		DVVT QUẢNG NINH	20/8	2138/8	27/8	BN 1818	CẨM 4B.1	1 900		1 900		TD	
15		CP VẬN TẢI THỦY	20/8	2143/8	27/8	BN 2115	CẨM 4B.1	1 400		1 400		TD	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 21 THÁNG 8 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
16		CP VẬN TẢI THỦY	20/8	2144/8	27/8	BN 2706	CẨM 4B.1	1 600		1 600		TD	
		Tàu chuyển tải						119 500	49 845	69 655			
		Tàu đã làm hàng											
		Tàu dự kiến rút trong ngày						93 200	49 845	43 355			
1		ĐIỆN VINH TÂN 1	11/8	512/8		HẢI NAM 39	CẨM 6A.1	28 650	24 925	3 725	ĐỎ	HỘ LỚN	TTHG: 23.000 KVCP: 5.650
2		ĐIỆN VINH TÂN 1	14/8	516/8		VIỆT THUẬN STAR	CẨM 6A.14	41 250	8 700	32 550	ĐỎ	HỘ LỚN	KDTCP: 10.000 - CLM: 20.000 - KVCP: 11.250
3		ĐIỆN VŨNG ÁNG	14/8	513/8		TRƯỜNG NGUYỄN STAR	CẨM 5A.10	23 300	16 220	7 080	ĐỎ	HỘ LỚN	CLM: 23.300
		Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)						26 300		26 300			
1		ĐIỆN VINH TÂN 1	19/8	524/8		TRƯỜNG NGUYỄN SKY	CẨM 6A.1	26 300		26 300		HỘ LỚN	TTHG: 21.000 - KVCP: 5.300
2		ĐIỆN VINH TÂN 2	20/8	517B/8		HẢI NAM 39	CẨM 6A.14	28 650		28 650		HỘ LỚN	KDTCP: 7.000 - XNKT: 10.000 - KVCP: 11.2650 Thay TBRT Số 517/8
3		ĐIỆN VINH TÂN 2	20/8	526/8		HẢI NAM 79	CẨM 6A.10	27 500		27 500		HỘ LỚN	KDTCP: 10.000 - XNKT: 13.000 - KVCP: 4.500
II		KHO G9-HÓA CHẤT						68 538	15 063	53 475			
		Tàu đã làm hàng						7 143	7 064	79			
1		KDT MIỀN BẮC	17/8	2102/8	27/8	HD 1256	CẨM 6B.1	1 345	1 310	35	20/8	PTCB	
2		KDT HÀ NỘI	11/8	1922/7	18/8	BN 0988	CỤC XỐ 1A	1 000	986	14	20/8	TD	NGUỒN ĐN-CS GIA HẠN LẦN 2
3		CROMIT CỎ ĐÌNH THANH HÓA	13/8	1980/8	20/8	HD 1818	CẨM 8A	1 981	1 974	8	20/8	TD	NGUỒN ĐN-CS GIA HẠN LẦN 1
4		THAN SÔNG HỒNG	20/8	2035/8	27/8	BN 1626	CẨM 8A	917	915	2	20/8	TD	NGUỒN ĐN-CS GIA HẠN LẦN 2
5		KDT HẢI PHÒNG	17/8	2083/8	24/8	BN 2366	CẨM 8B	1 900	1 880	20	20/8	TD	NGUỒN ĐN-CS
		Tàu dự kiến rút trong ngày						22 725	7 999	14 726			
1		KDT CẦU ĐUÔNG	18/8	2110/8	28/8	BN 1916	CẨM 7C	1 440	777	663	RỐT ĐỎ	PTCB	NGUỒN ĐN-CS
2		KDT HÀ BẮC	18/8	2114/8	28/8	BN 1991	CẨM 4A.1	1 650	776	874	RỐT ĐỎ	PTCB	NGUỒN CS
3		KDT HÀ BẮC	19/8	2127/8	29/8	BN 1313	CẨM 7B	1 845	884	961	RỐT ĐỎ	PTCB	NGUỒN CS
4		KDT MIỀN BẮC	19/8	2122/8	29/8	QN 8233	CẨM 6B.1	1 610	905	705	RỐT ĐỎ	PTCB	
5		KDT MIỀN BẮC	19/8	2124/8	29/8	HP 6559	CẨM 6B.1	1 636	811	825	RỐT ĐỎ	PTCB	
6		KDT HẢI PHÒNG	18/8	2111/8	28/8	HP 4854	CẨM 7C	1 350	557	793	RỐT ĐỎ	PTCB	NGUỒN ĐN-CS
7		THAN MIỀN NAM	14/8	2065/8	21/8	HẢI ẬU 199	CẨM 8A	2 300	1 032	1 268	RỐT ĐỎ	TD	NGUỒN ĐN-CS
8		ĐTTM & DỊCH VỤ	13/8	1973/8	20/8	NĐ 3692	CẨM 8A	2 400	723	1 677	RỐT ĐỎ	TD	NGUỒN ĐN-CS GIA HẠN LẦN 1

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 21 THÁNG 8 NĂM 2026

III	KHO BẢO NGUYÊN
------------	-----------------------

Tàu đã làm hàng

Tàu dự kiến rút trong ngày

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 21 THÁNG 8 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		Tàu đã làm lệnh											
IV		KHO CẢNG KM6						17 320	6 282	11 038			
		Tàu đã làm hàng						4 350	4 328	22			
1		NHÓM LÂM ĐÔNG	19/8	2 131	29/8	TRUNG HIẾU 68	Cục 4A.2	1 400	1 392	8	20/8	HỘ LỚN	
							Cám 5a.1	1 750	1 746	4	20/8	HỘ LỚN	
2		MẶT TRỜI VIỆT NINH BÌNH	17/8	2096	24/8	BN 2969	Đon 8a	1 200	1 190	10	20/8	TD	
		Tàu dự kiến rút trong ngày						8 070	1 954	6 116			
1		NHÓM LÂM ĐÔNG	19/8	2 126	29/8	HOÀNG ANH 39	Cám 5a.1	1 630	1 033	597	RÓT DỖ	HỘ LỚN	
							Cục 4A.2	1 340		1 340		HỘ LỚN	
2		KDT HẢI PHÒNG	20/8	2134/8	30/8	HP 5686	Cám 5b.1	1 850	921	929	RÓT DỖ	PTCB	
3		CROMIT CỔ ĐỊNH THANH HÓA	20/8	2135/8	30/8	TÂN PHÚC 01	Cám 6a.1	3 250		3 250		PTCB	
		Tàu đã làm lệnh						4 900		4 900			
1		CROMIT CỔ THANH HÓA	17/8	2084	27/8	MINH TÂN 68	Cám 5a.1	3 700		3 700		PTCB	
2		TĐ THÁI SƠN HP	20/8	2133/8	27/8	HP 7227	Cục Xô 1b	1 200		1 200		TD	
V		TÀU XUẤT KHẨU						50 000	-	50 000			
		Tàu đã làm hàng											
		Tàu dự kiến rút trong ngày											
		Tàu đã làm lệnh						50 000		50 000			
1		INDONESIA	7/8	5589		MV HUI FENG HAI 16	CỤC 5B.2	15 000		15 000			
2		HÀN QUỐC	14/8	5742		MV JIAN RUI 7	Cục 4A.3	4 000		4 000			
3		HÀN QUỐC	17/8	68/8		MV HAI PENG	CỤC 4B.3	5 000		5 000			
4		INDONESIA	17/8	5771		MV LI FA 2	CỤC 5B.2	23 000		23 000			
5		NHẬT BẢN	21/8	5887		MV RICH OCEAN	CÁM 3B.1	1 500		1 500			
							CÁM 3C.1	1 500		1 500			
VI		TÀU NHẬP KHẨU		ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH				34 906	14 000	20 906			
		Tàu đã làm hàng											
		Tàu dự kiến rút trong ngày						20 000	14 000	6 000			
1		ÚC	12/8	5680		MV WOOLLOOMOOLOO	Than nhiệt xuất xứ từ Úc	20 000	14 000	6 000	BỐC DỖ		TTCO: 15.000 KVCP: 5.000

PHÒNG ĐKSX

NGÀY 21 THÁNG 8 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		Tàu đã làm lệnh						14 906		14 906			
1		NAM PHI	13/8	5705		MV COMMON SPIRIT		14 906		14 906			TTCO: 5.000 - KVCP: 9.960

